

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HSST

Ngày: 23/3/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Vũ Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trịnh Văn Thái – Nghề nghiệp: Công chức nhà nước.

Nơi công tác: Phòng Văn hóa thông tin thị xã L.

2/ Đỗ Vũ Ngọc Nam – Nghề nghiệp: Công chức nhà nước.

Nơi công tác: Trung tâm văn hóa thị xã L.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Song Yên – Thư ký
Toà án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Ông Trần Ngọc Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2018/HSST ngày 12 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

ĐỖ XUÂN B - Sinh năm 1995 tại Bà Rịa - Vũng Tàu.

Nơi đăng ký thường trú: Khu phố Hải Hà 2, thị trấn Long Hải, huyện L.Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Nơi đăng ký tạm trú: Khu phố 5, phường Phước Lộc, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Nơi ở hiện nay: Khu phố 5, phường Phước Lộc, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Nghề nghiệp: Lao động biển;

Trình độ học vấn: 4/12;

Giới tính: Nam;

Tôn giáo: Phật;

Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Đỗ Xuân H, sinh năm 1976 và bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1970.

Gia đình có 3 anh, em; Bị cáo là con thứ hai.

Bị cáo chung sống như vợ chồng với Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn và có 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017.

Tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt vào ngày 13/12/2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ – Công an thị xã L. (Có mặt).

*** Bị hại:** Chị **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1997. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Khu phố 10, phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị **Nguyễn Thị Ngọc D**, sinh năm 1996. Có mặt.

Nơi cư trú: Khu phố 5, phường Phước Lộc, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 12/12/2017, Đỗ Xuân B đi dò qua khu vực xóm Xình thuộc khu phố 10, phường Bình Tân, thị xã L đến nhà người quen tên là V để lấy lại tiền mà B đã đưa cho V để nhờ mua xe máy trước đây. B ngồi ở nhà Vân chờ khoảng 02 tiếng nhưng không gặp, nên đi bộ ra đầu hẻm nhà V để tiếp tục chờ. Tại đây, B thấy 01 chiếc xe máy hiệu SAVI màu vàng đen, biển số 86AH-00672 thuộc sở hữu của chị Nguyễn Thị Thu T dựng bên hông nhà nên ngồi lên xe. Lúc này, không ai trông giữ xe, khóa điện đang mở nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để làm phương tiện đi lại cho bản thân. B khởi động rồi điều khiển xe máy hiệu SAVI chạy thẳng về nhà tại khu phố 5, phường Phước Lộc, thị xã L dựng xe ở nhà và tiếp tục sang nhà V chờ. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, B quay về nhà, chị Nguyễn Thị Ngọc D (sống chung với B như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn) hỏi xe này ở đâu mà có, thì B trả lời xe do người ta đưa đi tạm. Sau đó, B đi lên khu vực đập đá dựng để hỏi ghe đi biển, chị D điều khiển xe máy chạy qua khu vực xóm Xình để gặp chị V thì bị Công an phát hiện và giữ lại.

Quá trình điều tra, lời khai của bị cáo Đỗ Xuân B, bị hại Nguyễn Thị Thu T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Ngọc D đều thống nhất với nội dung trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 125/KL-ĐGTS ngày 15/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 (một) xe máy hiệu SAVI màu vàng đen, biển số 86AH-00672, số máy: 139FMB004457, số khung: B1YPC1004457, xe đã qua sử dụng, trầy xước nhiều, không kính chiếu hậu có giá trị là 4.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Xuân B đồng ý với kết luận định giá trên, không có ý kiến khác.

Vật chứng của vụ án là 01 (một) xe máy hiệu SAVI màu vàng đen, biển số 86AH-00672 đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã L trả lại cho bị hại Nguyễn Thị Thu T.

Về dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Thu T không yêu cầu bị cáo Đỗ Xuân B bồi thường.

Tại bản cáo trạng số: 21/QĐ-VKS ngày 09/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo Đỗ Xuân B về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L giữ quyền công tố, sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Đỗ Xuân B như nội dung bản cáo trạng.

Đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố: Bị cáo Đỗ Xuân B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

*** Áp dụng:** khoản 1 điều 138, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Phạt bị cáo Đỗ Xuân B từ 06 tháng đến 09 tháng tù giam.

*** Về biện pháp tư pháp:** Không.

*** Về trách nhiệm dân sự:** xe máy hiệu SAVI màu vàng đen, biển số 86AH-00672 đã được cơ quan cảnh sát điều tra trả lại cho bị hại Nguyễn Thị Thu T.

Tại phiên tòa, ý kiến của những người tham gia tố tụng như sau:

Bị cáo Đỗ Xuân B: Thừa nhận hành vi đúng như nội dung cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố, đồng ý với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không có ý kiến tranh luận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ngọc D thống nhất với lời khai của mình trong quá trình điều tra vụ án, đồng ý với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không tranh luận.

Lời sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã nhận thức được hành vi trộm cắp xe máy là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về gia đình lo cho vợ và hai con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các quyết định và hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Xét lời khai của bị cáo Đỗ Xuân B tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đối chiếu với những tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở pháp lý để kết luận:

Khoảng 11 giờ ngày 12/12/2017 tại khu phố 10, phường Bình Tân, Đỗ Xuân B đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe máy hiệu SAVI màu vàng đen, biển số 86AH-00672 thuộc sở hữu của chị Nguyễn Thị Thu T.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 125/KL-ĐGTS ngày 15/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 (một) xe máy hiệu SAVI màu vàng đen, biển số 86AH-00672, số máy: 139FMB004457, số khung: B1YPC1004457, xe đã qua sử dụng, trầy xước nhiều, không kính chiếu hậu có giá trị là 4.000.000 đồng.

Hành vi lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, Đỗ Xuân B đã nảy sinh lòng tham, lén lút lấy trộm tài sản đã xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Tại thời điểm thực hiện hành vi trên, Đỗ Xuân B đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và hoàn toàn nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn thực hiện.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố đối với các bị cáo Đỗ Xuân B về tội danh, điều luật áp dụng là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo Đỗ Xuân B thực hiện, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Đỗ Xuân B phạm tội với lỗi cố ý, vì tham lam, muốn có tài sản để phục vụ nhu cầu bản thân nên đã phạm tội. Hành vi của bị cáo B gây nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự xem thường pháp luật, gây mất trật tự, an ninh tại địa phương. Do đó, để lập lại trật tự, trị an cho xã hội, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử lý nghiêm bị cáo Đỗ Xuân B, để không những giáo dục cho chính bị cáo mà còn răn đe đối với người khác, phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo Đỗ Xuân B không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo B phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, đã tỏ ra ăn năn hối cải với lỗi lầm của mình, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Thu T không yêu cầu bị cáo Đỗ Xuân B bồi thường. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Vật chứng đã được xử lý đúng theo quy định nên Hội đồng không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo Đỗ Xuân B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* **Tuyên bố:** Bị cáo Đỗ Xuân B phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

* **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 138; Điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

* **Xử phạt:** Bị cáo Đỗ Xuân B 06 (sáu) tháng tù giam.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 13/12/2017.

* **Áp dụng:** Điều 98 và Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đỗ Xuân B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/3/2018). Riêng bị hại Nguyễn Thị Thu T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Phòng PC81 – CA tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- Chi cục THADS thị xã L;
- Công an thị xã L;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS – Lưu Tòa án;
- UBND địa phương nơi BC cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Vũ Toàn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Phòng PC81 – CA tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã La Gi;
- THADS thị xã La Gi;
- Công an thị xã La Gi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS – Lưu Tòa án;
- UBND địa phương nơi các BC cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Vũ Toàn

Các Hội Thẩm

Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Vũ Toàn